TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: 543/2024/DS-PT	
Ngày 17/7/2024	
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất".	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Viễn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành thành phần tại Tòa án nhân dân tỉnh Bạc L, xét xử trực tuyến phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/TLPT-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024, về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 573/QĐPT, ngày 25 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tô Thị Đ, sinh năm 1951; cư trú tại: Ấp 3, xã Phong Thạnh A, thị xã Giá R, tỉnh Bạc L; có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Ông Ngô Văn L, sinh năm 1949; vắng mặt.

2. Ông Tô Văn D, sinh năm 1971; vắng mặt.

3. Bà Tô Thị Th, sinh năm 1955; có mặt.

Cùng cư trú tại: Ấp 3, xã Phong Thạnh A, thị xã Giá R, tỉnh Bạc L.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Văn L và ông Tô Văn D: Anh Võ Hà Tr, sinh năm 1991; cư trú tại: Số 417A/1, Phạm H, khu vực Yên H, phường Lê B, quận Cái R, thành phố Cần Th; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Tô Văn G, sinh năm 1963 (đã chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Tô Văn Gấm gồm:

1.1 Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962; vắng mặt.

1.2 Anh Tô Hùng Th, sinh năm 1983; vắng mặt.

1.3 Anh Tô Văn H, sinh năm 1986; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Ấp Cây Giang A, xã Long Đ, huyện Đông H, tỉnh Bạc L.

2. Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1954; vắng mặt.

3. Bà Phạm Tuyết H, sinh năm 1956; vắng mặt.

4. Bà Tô Thị Nh, sinh năm 1964; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Ấp 3, xã Phong Thạnh A, thị xã Giá R, tỉnh Bạc L.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Tô Thị Nh: Anh Võ Hà Tr, sinh năm 1991; cư trú tại: Số 417A/1, Phạm H, khu vực Yên H, phường Lê B, quận Cái R, thành phố Cần Th; có mặt.

5. Ủy ban nhân dân thị xã Giá R, tỉnh Bạc L

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh Th, chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thanh Tr, chức vụ: Phó Trưởng phòng tài nguyên và môi trường thị xã Giá R; có đơn xét xử vắng mặt.

6. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số 02, đường Láng H, phường Thành C, quận Ba Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Thanh M, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh thị xã Giá R; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Tô Thị Đ là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn là bà Tô Thị Đ trình bày:

Phần đường nước này có nguồn gốc là của cha và mẹ của bà, vào khoảng năm 1993, năm 1994 thì cha mẹ bà ly thân nhau và thỏa thuận phân chia tài sản (chỉ thỏa thuận miệng) là (cụ Hồ Thị Ch) sẽ hưởng phần miếng đất nhỏ và đường nước còn cha bà (cụ Tô Văn Tr) thì hưởng miếng đất lớn. Miếng đất nhỏ diện tích khoảng 30 đến 40 công, đường nước diện tích theo đo đạc thực tế là 4.587,3m^2, miếng đất lớn diện tích khoảng 50 đến 60 công.

Sau khi được hưởng miếng đất nhỏ thì đến năm 1996 thì cụ Ch bán cho bà Đ ½ diện tích đất của miếng đất nhỏ được chia cùng với đường nước (hiện có tranh chấp) với giá 35 chỉ vàng 24k. Còn ½ miếng đất nhỏ còn lại cụ Ch cho em trai thứ 9 của bà tên Tô Văn D. Khi nhận chuyển nhượng đất của cụ Ch thì giữa

bà Đ và cụ Ch không có làm giấy tờ, không có đo đạc, nhưng có chỉ ranh là từ mí ranh đất của ông Ru (đất ông R chuyển nhượng của Tô Văn D) qua đến mí ranh đất của bà Ngô Thị H (Nguyễn Văn V đang sử dụng bây giờ), trong đó bao gồm cả đường nước. Nhưng lúc chỉ ranh thì bà Đ không có ra chứng kiến, anh em của bà cũng không có ai chứng kiến nhưng sau này anh em bà Đ đều biết. Nhưng cụ Ch có chuyển tên cho bà Đ và bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/4/1996 với diện tích là 20.770m^2, phần đất bà được cấp giấy chứng nhận đúng với phần đất mà cụ Ch chuyển nhượng cho bà.

Sau khi nhận chuyển nhượng ½ đất (miếng đất nhỏ) thì bà Đ sử dụng và có đường nước thoát riêng, còn đường nước diện tích 4.587,3m^2 thì bà Đ cho cụ Tô Văn Tr mượn sử dụng (hiện tại cụ Tr đã chết), nhưng cho mượn không có làm giấy tờ. Đến năm 2013 thì cụ Tr không sử dụng nữa mà để lại cho bà T, ông L, ông D sử dụng từ đó bà không đồng ý nên có yêu cầu được lấy lại. Ngày 27/6/2017 bà Tô Thị Đ có yêu cầu ông Ngô Văn L; ông Tô Văn G và bà Tô Thị Th trả cho bà phần đất đường nước có diện tích 4.587,3m^2 đất tại ấp 3, xã Phong Thạnh A, thị xã Giá R, tỉnh Bạc L. Ngày 24/9/2018 bà Tô Thị Đ có yêu cầu khởi kiện bổ sung. Cụ thể bà có yêu cầu ông Ngô Văn L; bà Tô Thị T và ông Tô Văn D trả cho bà phần đất có đường nước theo đo đạc thực tế là 4.949,7m^2 đất tại thửa số 282, 283 tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại ấp 3, xã Phong Thạnh A, thị xã Giá R, tỉnh Bạc L.

Các đồng bị đơn trình bày:

Ông Tô Văn L, ông Tô Văn D trình bày trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền là ông Võ Hà Tr trình bày:

Đồng bị đơn ông Ngô Văn L, ông Tô Văn D không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Đ, đồng thời ngày 26/6/2018 ông Tô Văn D có yêu cầu phản tố yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 20/4/1996 cho bà Tô Thị Đ, diện tích là 4.949,7m^2 đất tại thửa số 282, 283 tờ bản đồ số 03 được cấp theo quyết định số 234/QĐ-UB ngày 06/7/1995. Nguồn gốc đường nước này trước đây là của chung cha và mẹ khai phá từ năm 1952 khai phá diện tích khoảng hơn 100 công đất (công tầm cấy). Phần đất khai phá này cha mẹ ông Liêm, ông D chia ra làm hai phần đất, một phần đất lớn và một phần đất nhỏ.

Phần đất nhỏ diện tích khoảng 40 công dùng để sản xuất nông nghiệp, phần đất lớn còn lại khoảng 70 đến 80 công dùng để làm láng nuôi tôm. Trong đó miếng đất nhỏ có cống thoát nước bê tông riêng, còn miếng đất lớn được thoát nước bằng đường nước cũng xây dựng bằng cống bê tông và hiện có tranh chấp bây giờ với bề ngang khoảng 03 đến 04 tầm (bao gồm bờ và kênh) dài khoảng 300m đến 400m tiếp giáp với đất của bà Tô Thị Đ. Đến năm 1967 - 1968 thì cha mẹ về ấp 5, thị trấn Giá R để ở, phần đất này để lại cho bà Tô Thị Đ, ông Tô Văn B và Tô Thị T ở lại trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất này để làm nuôi gia đình. Đến khoảng năm 1996 - 1997 thì cha mẹ có cắt cho bà Tô Thị Đ diện tích khoảng 15 đến 16 công (tầm cấy) giáp với đất đường nước có tranh chấp bây giờ. Cắt phần đất thuộc miếng láng nhỏ, còn một phần miếng láng nhỏ thì cha và mẹ tôi để lại cho Tô Văn D quản lý sử dụng (có đường thoát nước riêng).

Trước khi bà Đ có yêu cầu và có tranh chấp thì đường nước này là của anh em sử dụng chung cho đến bây giờ. Còn việc bà Đ nói mẹ cụ Hồ Thị Ch chuyển nhượng cho bà Đ phần đường nước này thì ông Liêm, ông Dụ không đồng ý vì nếu sang đường nước này thì không có đường để thoát nước cho phần đất của miếng đất lớn mà cụ Tr sử dụng trước đây và hiện tại anh em đang sử dụng bây giờ.

Bị đơn bà Tô Thị Th trình bày:

Nguồn gốc đường nước này trước đây là của chung cha và mẹ là cụ Tô Văn Tr và Hồ Thị Ch có được do cha mẹ khai phá từ năm 1952 đến năm 1954 khai phá diện tích khoảng hơn 100 công đất. Phần đất khai phá này chia ra làm hai phần, một phần đất lớn và một phần đất nhỏ. Phần đất nhỏ diện tích khoảng 40 công dùng để sản xuất nông nghiệp, phần đất lớn còn lại khoảng 70 đến 80 công dùng để làm láng nuôi tôm. Trong đó miếng đất nhỏ có cống thoát nước riêng, còn miếng đất lớn được thoát nước bằng đường nước hiện có tranh chấp bây giờ. Đến năm 1967 đến 1968 thì cha mẹ về ấp 5, thị trấn Giá R để ở thì phần đất này để lại cho chị Tô Thị G, ông Tô Văn B và bà ở lại trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất này để làm nuôi gia đình. Đến khoảng năm 1996 thì cụ Hồ Thị Ch có bán cho bà Đ một phần đất thuộc miếng láng nhỏ cập với đường thoát nước. Còn một phần miếng láng nhỏ thì cụ Ch để lại cho Tô Văn D quản lý, sử dụng.

Đối với miếng láng lớn thì năm 1997 mới chia ra cho ông Tô Văn G diện tích 16,3 công (tầm cấy), chia cho Ngô Thanh L (chồng của Tô Thị Nh) diện tích 21.800m^2, phần còn lại thì cha tôi là cụ Tô Văn Tr quản lý và sử dụng. Đến năm 2015 mới chuyển nhượng lại cho bà Th phần đất này diện tích là 11,7 công. Trước khi có tranh chấp với bà Đ thì theo bà biết thì đường nước này là nơi thoát nước cho miếng đất lớn được sử dụng từ trước cho đến bây giờ và do cha mẹ bà khai phá. Do đó, bà Đ nói của bà Đ thì bà không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Tô Văn G trình bày:

Nguồn gốc đường nước này trước đây là của chung cha và mẹ khai phá từ năm 1952 khai phá diện tích khoảng hơn 100 công đất (công tầm cấy). Phần đất khai phá này cha mẹ ông chia ra làm hai phần đất, một phần đất lớn và một phần đất nhỏ. Phần đất nhỏ diện tích khoảng 40 công dùng để sản xuất nông nghiệp, phần đất lớn còn lại khoảng 70 đến 80 công dùng để làm láng nuôi tôm. Trong đó miếng đất nhỏ có cống thoát nước bê tông riêng, còn miếng đất lớn được thoát nước bằng đường nước cũng xây dựng bằng cống bê tông và hiện có tranh chấp bây giờ với bề ngang khoảng 03 đến 04 tầm (bao gồm bờ và kênh) dài khoảng khoảng 300m đến 400m tiếp giáp với đất của bà Tô Thị Đ. Đến năm 1967 đến 1968 thì cha mẹ về ấp 5, thị trấn Giá R để ở thì phần đất này để lại cho chị Tô Thị Đ, ông Tô Văn B và Tô Thị Th ở lại trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất này để làm nuôi gia đình. Đến khoảng năm 1996 - 1997 thì cha mẹ có cắt cho bà Tô Thị Đ diện tích khoảng 15 đến 16 công (tầm cấy) giáp với đất đường nước có tranh chấp bây giờ. Cắt phần đất thuộc miếng láng nhỏ, còn một phần miếng láng nhỏ thì cha và mẹ tôi để lại cho Tô Văn D quản lý sử dụng (có đường thoát nước riêng).

Trước khi bà Đ có yêu cầu và có tranh chấp thì đường nước này là của anh em sử dụng chung cho đến bây giờ. Còn việc bà Đ nói mẹ cụ Hồ Thị Ch chuyển nhượng cho bà Đ phần đường nước này thì ông không đồng ý vì nếu sang đường nước này thì không có đường để thoát nước cho phần đất của miếng đất lớn mà cụ Tr sử dụng trước đây và hiện tại anh em đang sử dụng bây giờ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Tô Thị Nh trình bày trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền là ông Võ Hải Tr trình bày:

Nguồn gốc đường nước này trước đây là của chung cha và mẹ bà là ông Tô Văn Tr và bà Hồ Thị Ch khai phá từ thời gian nào thì bà không biết và cha mẹ khai phá khoảng bao nhiêu đất thì bà không biết, nhưng bà thấy cha và mẹ bà sử dụng hai phần đất, một phần đất lớn và một phần đất nhỏ từ lâu. Phần đất nhỏ có đường thoát nước riêng và được chia cho bà Tô Thị Đ diện tích khoảng bao nhiêu công bà không biết và chia cho Tô Văn D. Phần đất bà Tô Thị Đ được chia thì giáp ranh với đường nước có tranh chấp bây giờ. Năm 1996 thì cha và mẹ chia ra cho bà diện tích là 21.800m^2 (nhưng để cho ông Ngô Văn L đứng tên), Tô Văn G diện tích bao nhiêu không biết (sau này Tô Văn G chuyển nhượng lại cho Tô Văn D) còn lại thì cụ Tô Văn Tr quản lý và sử dụng. Sau này thì bà Th quản lý sử dụng. Từ khi được chia đất thì cả ba người cùng quản lý và sử dụng phần đường nước này.

Ngày 26/6/2018 bà Tô Thị Nh có yêu cầu phản tố yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 20/4/1996 cho bà Tô Thị Đ, diện tích là 4.949,7m^2 đất tại thửa số 282, 283 tờ bản đồ số 03 được cấp theo quyết định số 234/QĐ-UB ngày 06/7/1995.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trịnh Văn Th trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Tô Thị Th. Nếu phần đất trên giải quyết cho bà Tô Thị Đ thì ông đồng ý cùng với các đồng bị đơn trả giá trị đất cho bà Tô Thị Đ theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Tuyết H trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của ông Tô Văn D về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đối với phần đất tranh chấp và chị cũng không yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân thị xã Giá R trình bày:

Việc cấp giấy chứng nhận chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Tô Thị Đ tại thửa số 282 và 283 tờ bản đồ số 03 về trình tự cấp giấy chứng nhận là chưa phát hiện sai sót. Đối với việc kê khai đăng ký trong danh sách ghi 20.270m^2 nhưng khi được cấp là 20.770m^2 là do sai sót trong khâu kỹ thuật. Do đó, theo yêu cầu của bà Nh và ông D có yêu cầu Tòa án hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Tô Thị Đ có diện tích 4.949,7m^2 đất tại thửa số 282 và 283, tờ bản đồ số 03 thì đề nghị Tòa án xử lý theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thị xã Giá R trình bày:

Vào ngày 09/01/2019 bà Tô Thị Đ vay vốn tại Agribank chi nhánh thị xã Giá R, phòng giao dịch phường 1 đối với số tiền 40.000.000 đồng theo hợp đồng số7202LAV201900213. Tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G852.489 do Ủy ban nhân dân huyện Giá R cấp ngày 20/4/1996 diện tích là 20.770m^2. Tại văn bản số 420 ngày 08/6/2023 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thị xã Giá R xác định: Ngân hàng không yêu cầu khởi kiện độc lập trong vụ án này.

Tại Bản án dân sự số 58/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc L quyết định:

Khoản 9 Điều 26; khoản 4 Điều 34 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 705, Điều 707 Bộ luật Dân sự năm 1995; tiểu mục 2.3 mục 2 phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị Đ về việc yêu cầu Ngô Văn L; ông Tô Văn D; bà Tô Thị T trả lại diện tích đất qua đo đạc thực tế là 4.949,7m^2, đất tại thửa 282, 283, tờ bản đồ số 03 do bà Tô Thị Đẹp đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất có vị trí và số đo như sau:

Hướng Đông giáp giáp phần đất I cạnh dài 14,88m

Hướng Tây giáp Tô Thị Th cạnh dài 13,41m

Hướng Nam giáp Tô Thị Đ cạnh dài 254,73m + 97.00m

Hướng Bắc giáp Ngô Lệ H cạnh dài 254,02m + 97.20m

2. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 852489, đất tại thửa 282, 283 tờ bản đồ số 03 do Ủy ban nhân dân huyện Giá R (nay là thị xã Giá R) cấp cho bà Tô Thị Đ ngày 20/4/1996 đối với diện tích đất 4.949,7m^2, tọa lạc tại ấp 3, xã Phong Thanh A, thị xã Giá R, tỉnh Bạc L.

Đương sự có quyền kê khai đăng ký yêu cầu cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí thẩm định, đo vẽ, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/10/2023 bà Tô Thị Đ kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đ.

Tại phiên tòa, bà Đ giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; hai bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án; bà Đ thừa nhận đường nước cụ Tr sử dụng nhưng chỉ 2m ngang, nên bà Đ đồng ý để lại 2m ngang cho bị đơn sử dụng; diện tích còn lại trả cho bà Đ.

Anh Tr là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Đường nước cụ Tr sử dụng khi cụ Ch và cụ Trọng thỏa thuận phân chia, sử dụng đất đến nay là trên 30 năm; việc UBND huyện Giá R cấp giấy cho bà Đ không đúng với nội dung đơn và thực tế sử dụng đất của bà Đ; nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là đúng quy định, đề nghị bác đơn kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Về thủ tục tố tụng những người tiến hành tố tụng, các đương sự tuân thủ đúng theo quy định. Về nội dung kháng cáo của bà Đ, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ tài liệu do hai bên cung cấp và xét xử đúng pháp luật; tại cấp phúc thẩm bà Đ không cung cấp chứng cứ mới, nên không chấp nhận kháng cáo của bà Đ. Vì khi hai cụ phân chia đất thì đường nước tranh chấp sử dụng cho phần đất láng lớn của cụ Tr, khi còn sống cụ Ch không có ý kiến khiếu nại; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bác đơn kháng cáo của bà Đ; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Đơn kháng cáo của bà Tô Thị Đ đúng theo quy định của pháp luật, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Nguyên đơn bà Đ khởi kiện tranh chấp phần đất là đường thoát nước, diện tích theo đo đạc thực tế 4.949,7m^2, tại thửa số 282, 283, tờ bản đồ số 03, tại ấp 3, xã Phong Thạnh A, thị xã Giá R, tỉnh Bạc L; bị đơn có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã Giá R cấp cho bà Tô Thị Đ ngày 20/4/1996. Do đó, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc L theo quy định tại khoản 9 Điều 26, khoản 4 Điều 34 và điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Xét đơn kháng cáo của bà Đ cho rằng đường thoát nước, diện tích theo đo đạc thực tế 4.949,7m^2, tại thửa số 282, 283, tờ bản đồ số 03, tại ấp 3, xã Phong Thạnh A, thị xã Giá R, tỉnh Bạc L thuộc quyền sử dụng của bà Đ thì thấy:

[3.1]. Các đương sự đã thừa nhận: Khoảng năm 1952, cụ Tô Văn Tr và cụ Hồ Thị Ch khai phá phần đất hơn 100 công tầm cấy, chia thành hai phần gọi là láng lớn và láng nhỏ. Phần đất láng nhỏ diện tích khoảng 40 công đất dùng để sản xuất nông nghiệp (trồng lúa) và có cống thoát nước bằng bê tông riêng. Phần đất láng lớn diện tích khoảng 70 - 80 công đất dùng để nuôi tôm và được thoát nước bằng đường nước tranh chấp hiện nay.

[3.2]. Khi cụ Tr và cụ Ch ly thân, hai cụ đã thỏa thuận cụ Ch sử dụng phần đất láng nhỏ sản xuất nông nghiệp (trồng lúa) có cống thoát nước bằng bê tông riêng; cụ Tr sử dụng phần đất láng lớn để nuôi tôm, bằng đường thoát nước tranh

chấp có diện tích 4.949,7m^2. Quá trình canh tác, sử dụng đường nước tranh chấp, cụ Tr đã tiến hành cải tạo đường nước, cụ Ch không có ý kiến, khiếu mại. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định cụ Trọng và cụ Ch đã thỏa thuận đường thoát nước tranh chấp có diện tích 4.949,7m^2 phục vụ phần đất láng lớn để nuôi tôm, thuộc quyền sử dụng của cụ Trọng là có cơ sở.

[3.3]. Bà Đ là người kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ mới, để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đ; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy lời trình bày của bà Đ không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Đ nên bà Đ phải chịu án phí phúc thẩm, vì người cao tuổi nên bà Đ được miễn.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

I. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Tô Thị Đ; giữ nguyên Bản án dân sự số 58/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc L như sau:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; khoản 4 Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 705, Điều 707 Bộ luật Dân sự năm 1995; tiểu mục 2.3 mục 2 phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao; khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 29, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị Đ về việc yêu cầu Ngô Văn L; ông Tô Văn D; bà Tô Thị Th trả lại diện tích đất qua đo đạc thực tế là 4.949,7m^2 đất, tại thửa 282, 283, tờ bản đồ số 03 do bà Tô Thị Đ đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất có vị trí và số đo như sau:

Hướng Đông giáp phần đất I cạnh dài 14,88m

Hướng Tây giáp Tô Thị Th cạnh dài 13,41m

Hướng Nam giáp Tô Thị Đ cạnh dài 254,73m + 97.00m

Hướng Bắc giáp Ngô Lệ H cạnh dài 254,02m + 97.20m

2. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 852489, đất tại thửa 282, 283 tờ bản đồ số 03 do Ủy ban nhân dân thị xã huyện Giá R (nay là thị xã Giá R) cấp cho bà Tô Thị Đ ngày 20/4/1996 đối với diện tích đất 4.949,7m^2, tọa lạc tại ấp 3, xã Phong Thanh A, thị xã Giá R, tỉnh Bạc L.

Đương sự có quyền kê khai, đăng ký yêu cầu cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tô Thị Đ phải chịu 300.000 đồng, bà Đ đã nộp tạm ứng án phí 3.800.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0008758 ngày 27/6/2017 và Biên lai thu số 0012430 ngày 24/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá R, tỉnh Bạc L nên được hoàn lại cho bà Tô Thị Đ 3.500.000 đồng.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Tô Thị Đ phải chịu 7.347.484 đồng, bà Tô Thị Đ đã nộp xong.

II. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Tô Thị Đ được miễn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

III. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đình Thanh - Đinh Ngọc Thu Hương **Đặng Văn Ý**

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bạc L;
- VKSND tỉnh Bạc L;
- Cục THADS tỉnh Bạc L;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS, NTTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Ý